

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 332/2025/DS-PT

Ngày: 04 - 9 - 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;

2. Bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 285/2025/TLPT-DS ngày 31/7/2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2025/DS-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 347/2025/QĐPT-DS, ngày 19/8/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị T, sinh năm: 1957; địa chỉ: Số nhà C, thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn N, sinh năm: 1978; địa chỉ: Số B đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk).

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Trương Thiên S; địa chỉ: số A đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Trương Thiên S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày có nội dung như sau:*

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Ngô Thị T có cho ông Hoàng Văn N vay tiền 02 lần, cụ thể: Lần thứ nhất, theo Giấy mượn tiền ngày 26/12/2021, ông N vay số tiền 148.000.000 đồng; lần thứ hai, theo Giấy mượn tiền cùng ngày 26/12/2021, vay số tiền 45.000.000 đồng; tổng cộng số tiền 02 lần vay trong ngày là 193.000.000 đồng. Khi vay tiền thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 2,5%/tháng, nhưng không ghi mức lãi suất vào Giấy mượn tiền, thời hạn trả nợ của cả 02 khoản vay trên đều là 01 năm. Việc vay tiền được thực hiện tại hai thời điểm khác nhau trong cùng ngày và giấy nợ do ông N viết nên đã viết cả 02 giấy nợ chung một ngày là 29/01/2022 dương lịch (tức ngày 26/12/2021 âm lịch).

Khi đến thời hạn trả nợ, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông N trả tiền, tuy nhiên ông N mới trả cho được 52.000.000 đồng tiền lãi thông qua con trai của bà T là Nguyễn Văn H, còn tiền nợ gốc thì chưa trả được bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, bà T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Văn N phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 193.000.000 đồng và lãi suất theo mức 10%/năm tính từ ngày 26/12/2021 cho đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ngô Thị T xác định số tiền 52.000.000 đồng mà ông N đã trả là tiền lãi suất tính từ thời điểm vay đến ngày 26/12/2022, do đó bà T yêu cầu ông N tiếp tục phải trả lãi cho bà T theo mức 10%/năm tính từ ngày 26/12/2022 cho đến nay. Còn việc ông N cho rằng hai lần vay đã tính gộp lại thành số tiền 148.000.000 đồng và viết chung một giấy nợ là không đúng, vì 02 giấy vay mà ông N ký nhận là hai lần vay khác nhau.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Trương Thiên S trình bày có nội dung như sau:*

Ông Hoàng Văn N có vay tiền của bà Ngô Thị T 02 lần, cụ thể: Lần 1, ngày 26/12/2021, vay số tiền 45.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, về tiền lãi tính theo lãi suất gửi ngân hàng; lần thứ hai, vào ngày 29/01/2022, do cần vốn làm ăn nên vay thêm của bà T số tiền 100.000.000 đồng và cộng thêm tiền lãi 3.000.000 đồng của khoản vay 45.000.000 đồng. Để thống nhất số nợ gọn lại trong cùng một giấy vay, ông N đã viết lại Giấy mượn tiền đề ngày 29/01/2022 với tổng số tiền 02 lần vay của ngày 26/12/2021 và 29/01/2022 là 148.000.000 đồng và hủy bỏ Giấy mượn tiền ngày 26/12/2021, nên tại Giấy mượn tiền chốt lại số nợ vào ngày 29/01/2022, ông N có ghi rõ cả ngày vay tiền 26/12/2021, do tin tưởng nên ông N không lấy lại giấy vay nợ gốc ngày 26/12/2021.

Vì vậy số tiền ông N vay bà T là 148.000.000 đồng chứ không phải là 193.000.000 đồng như bà T khởi kiện. Mặc dù trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất nhưng các bên thỏa thuận miệng với nhau mức lãi suất theo ngân hàng và không có mức cố định mà do bà T báo hàng tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận tính đến thời điểm hiện nay, ông Hoàng Văn N đã thanh toán cho bà Ngô Thị T tổng số tiền

là 52.000.000 đồng bao gồm cả tiền gốc và lãi. Tuy nhiên, cụ thể số tiền gốc và tiền lãi đã trả là bao nhiêu thì phía ông N không xác định được.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T, thì ý kiến của ông N là chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn nợ là 148.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 29/01/2022 và tiền lãi suất mức 10%/năm theo như yêu cầu của nguyên đơn từ ngày vi phạm nghĩa vụ (ngày 29/01/2022) cho đến nay. Đối với số tiền đã trả là 52.000.000 đồng thì bị đơn đồng ý trừ vào số nợ gốc và tiền lãi phải trả theo như nguyên đơn yêu cầu.

**/ Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H trình bày có nội dung như sau:*

Ông H là con của bà Ngô Thị T, giữa ông H với ông Hoàng Văn N cũng có mối quan hệ làm ăn vay mượn. Số tài khoản 5213111132222 mở tại Ngân hàng A chi nhánh huyện B là tài khoản của ông H.

Ông H xác định, ông N có chuyển khoản cho ông số tiền 45.000.000 đồng nhằm mục đích trả tiền cho bà T. Sau khi nhận tiền từ ông N, thì ông H đã đưa cho bà T toàn bộ số tiền nói trên. Những lần ông N chuyển khoản để trả tiền cho bà T, ông N đều ghi rõ nội dung: “chuyển trả bà T”. Ngoài ra, ông N còn thông qua ông H để trả tiền mặt cho bà T số tiền 7.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông N đã trả cho bà T thông qua ông H là 52.000.000 đồng.

Ngoài ra do mối quan hệ làm ăn nên ông N còn có nhiều lần chuyển tiền cho ông H, tuy nhiên số tiền này không liên quan đến việc vay mượn giữa ông N với bà T. Đối với việc ông N cho rằng có 01 lần chuyển khoản cho ông H số tiền 30.000.000 đồng để trả cho bà T, thì ông H xác định là không có. Việc bà T khởi kiện ông Hoàng Văn N thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2025/DS-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk) đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T.

Buộc ông Hoàng Văn N phải trả cho bà Ngô Thị T số tiền tiền 205.352.000 đồng (trong đó 193.000.000 đồng tiền gốc và 12.352.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/5/2025 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Trương Thiên S có đơn kháng cáo, với nội dung: Việc nguyên đơn bà Ngô Thị T cho rằng 02 khoản vay theo giấy nợ mà ông Hoàng Văn N ký là khác nhau và lý do trong Giấy mượn tiền ngày 29/01/2022, có ghi thêm ngày 26/12/2021 là ngày âm lịch, việc trình bày của nguyên đơn là không đúng, vì ngày 29/01/2022 dương lịch thì tương ứng ngày âm lịch là 27/12/2021; Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đánh giá chứng cứ chưa khách quan và không thuyết phục, vì thực tế bị đơn chỉ vay của nguyên đơn tổng số nợ gốc là 148.000.000 đồng; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, làm rõ giấy nợ ngày 29/01/2022, đánh giá chứng cứ khách quan và toàn diện để đảm bảo quyền lợi của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày ý kiến cho rằng trong ngày 26/12/2021 (âm lịch), ông N vay 02 lần với tổng số tiền là 193.000.000 đồng và việc ông N cho rằng Giấy vay ngày 29/01/2022 đã cộng gộp số tiền vay 45.000.000 đồng là không đúng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Trương Thiên S giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và trình bày ý kiến, với nội dung: Ông N chỉ vay của bà T số tiền 148.000.000 đồng, cụ thể ngày 26/12/2021 (dương lịch) vay 45.000.000 đồng và ngày 29/01/2022 (dương lịch) vay 103.000.000 đồng, sau đó viết gộp thành 148.000.000 đồng gốc nên tại Giấy mượn tiền ngày 29/01/2022 có ghi thêm dòng chữ “26/12/2021”, tức là đã gộp số tiền vay ngày 26/12/2021. Việc bà T cho rằng ông N vay 02 lần tiền vào ngày 29/01/2022 dương lịch tương ứng với ngày âm lịch 26/12/2021 là không đúng, vì ngày 29/01/2022 thì tương ứng với ngày 27/12/2021 âm lịch. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và bị đơn chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 148.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm. Đối với số tiền đã trả là 52.000.000 đồng thì bị đơn đồng ý trừ vào số tiền gốc và lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến, với nội dung: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Tại Giấy mượn tiền ngày 29/01/2022, thể hiện số tiền vay 148.000.000 đồng, có ghi thời gian 26/12/2021, nguyên đơn cho rằng đó là ngày tính theo âm lịch. Tuy nhiên đối chiếu lịch năm thì ngày 29/01/2022 tương ứng với ngày 27/12/2021 âm lịch, nên trình bày của nguyên đơn là không hợp lý; đồng thời giấy mượn tiền có ghi nội dung “(Đã tt hết lãi)”, nhưng nguyên đơn không giải thích được lý do tại sao lại có nội dung này. Như vậy ý kiến của bị đơn cho rằng giấy vay số tiền 148.000.000 đồng đã được gộp 02 lần vay và lãi nên mới ghi rõ thời gian của 02 lần vay, là có cơ sở chấp nhận. Do đó,

bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đánh giá chứng cứ chưa toàn diện và không đúng, nên kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn và sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, xét thấy:

[1] Nguyên đơn bà Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hoàng Văn N phải trả số tiền gốc đã vay là 193.000.000 đồng và tiền lãi suất từ thời điểm vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn cung cấp Giấy mượn tiền đề ngày 26/12/2021 và Giấy mượn tiền đề ngày 29/01/2022 - 26/12/2021 và cho rằng 02 khoản vay này là độc lập với nhau. Bị đơn thừa nhận có 02 lần vay tiền của bà T vào ngày 26/12/2021 và ngày 29/01/2022, với tổng số tiền là 148.000.000 đồng và số tiền vay đã được tổng hợp, gộp lại tại Giấy mượn tiền đề ngày 29/01/2022 /26/12/2021, nên việc bà T cho rằng 02 khoản vay cùng ngày 29/01/2022 và là hai lần vay khác nhau là hoàn toàn không đúng.

[2] Qua xem xét lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy: Tại Giấy mượn tiền đề ngày 26/12/2021 (bút lục số 41) có nội dung: “Ông Hoàng Văn N có mượn của bà Ngô Thị T số tiền 45.000.000 đồng, hẹn 01 năm trả” và Tại Giấy mượn tiền đề ngày 29/01/2022 /26/12/2021 (bút lục số 40), có nội dung: “Ông Hoàng Văn N có mượn của chị Ngô Thị T số tiền là 148.000.000 đồng (Đã tt hết lãi), hẹn 01 năm trả”.

[2.1] Xét ý kiến của nguyên đơn bà Ngô Thị T cho rằng đây là 02 khoản vay cùng trong ngày 29/01/2022 dương lịch (tức ngày 26/12/2021 âm lịch) và khoản vay 148.000.000 đồng có ghi thêm ngày 26/12/2021, là ghi ngày âm lịch tương ứng, là không có cơ sở, bởi lẽ: Đối chiếu về thời gian thì ngày 29/01/2022 dương lịch là nhằm ngày 27/12/2021 âm lịch (không phải là ngày 26/12/2021 như nguyên đơn trình bày); đồng thời việc bà T trình bày cả 02 khoản đều vay trong cùng một ngày (ngày 29/01/2022), nhưng giấy vay khoản tiền 45.000.000 đồng lại ghi theo ngày âm lịch, còn giấy vay khoản tiền 148.000.000 đồng lại ghi cả ngày dương lịch và ngày âm lịch, là không hợp lý và về thời gian các giấy mượn tiền cũng không ghi rõ là ngày âm lịch hay dương lịch; mặt khác tại Giấy tiền ghi ngày 29/01/2022 /26/12/2021 có ghi nội dung: “...(Đã tt hết lãi)...”, điều này được hiểu là tại thời điểm xác nhận nợ ngày 29/01/2022 thì hai bên đã có tính toán về khoản tiền lãi. Như vậy, lời trình bày của nguyên đơn là không hợp lý và không phù hợp với tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2.2] Đối với người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận ông N có vay tiền của bà T 02 lần, với tổng số tiền là 148.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 26/12/2021 dương lịch vay 45.000.000 đồng; đến ngày 29/01/2022 dương lịch, vay thêm số tiền 100.000.000 đồng và cộng thêm tiền lãi 3.000.000 đồng, nên thành số tiền nợ là 103.000.000 đồng, để thống nhất số nợ gọn lại nên đã gộp số nợ 45.000.000 đồng vay ngày 26/12/2021 cùng với khoản vay 103.000.000 đồng ngày 29/01/2022, thành tổng số tiền nợ 148.000.000 đồng, ông N đã viết, ký Giấy mượn tiền xác nhận số nợ trên và tại Giấy mượn tiền đã ghi nội dung “*Buôn Đôn. 29/01/2022 /26/12/2021*”, tức là giấy mượn tiền này đã gộp 02 khoản vay của ngày 26/12/2021 và ngày 29/01/2022. Như vậy, nội dung trình bày, giải trình của phía bị đơn là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, có đủ cơ sở khẳng định ông Hoàng Văn N có vay tiền của bà Ngô Thị T 02 lần, theo đó ngày 26/12/2021 vay 45.000.000 đồng và ngày 29/01/2022 vay 103.000.000 đồng. Ông N đã viết và ký Giấy mượn tiền ngày 29/01/2022 và đã gộp cả khoản vay ngày 26/12/2021, nên khoản nợ gốc tính đến ngày 29/01/2022 là 148.000.000 đồng. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của bà Ngô Thị T và buộc ông Hoàng Văn N phải trả cho bà Ngô Thị T số tiền 193.000.000 đồng nợ gốc, là không đúng và chưa đánh giá đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Trương Thiên S là có căn cứ chấp nhận nên cần sửa bản án sơ thẩm về số tiền nợ gốc phải trả. Đồng thời, như đã nhận định trên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Hoàng Văn N phải trả số tiền gốc 45.000.000 đồng, là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lãi suất: Do sửa bản án sơ thẩm về số tiền nợ gốc phải trả nên về tiền lãi suất cũng được tính toán lại cho phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Tại 02 Giấy mượn tiền không thể hiện lãi suất, tuy nhiên cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận khi vay có thỏa thuận lãi suất miệng với nhau. Xét việc nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự và bị đơn cũng đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi suất, nên cần chấp nhận. Như vậy, tiền lãi suất được tính từ thời điểm vay ngày 29/01/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/5/2025), thời gian là 03 năm 03 tháng 23 ngày, cụ thể tiền lãi là: $(148.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}) \times 03 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 49.045.000 \text{ đồng (làm tròn)}$.

[5] Như vậy, ông Hoàng Văn N phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị T số tiền gốc là 148.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày vay (ngày 29/01/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/5/2025) là 49.045.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi suất là 197.045.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông N đã thanh toán cho bà T được số tiền 52.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý khấu trừ số tiền đã trả 52.000.000 đồng vào số tiền gốc và lãi suất mà bị đơn phải trả, xét ý kiến của bị đơn là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận. Sau khi khấu trừ số tiền 52.000.000 đồng đã trả, thì ông Hoàng Văn N phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị T số tiền là 145.045.000 đồng $(197.045.000 \text{ đồng} - 52.000.000 \text{ đồng})$.

[6] Về án phí:

[6.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được tính toán lại, cụ thể bị đơn ông Hoàng Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả là: $145.045.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.252.250 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn bà Ngô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, tuy nhiên bà Ngô Thị T, sinh năm 1957, là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà T.

[6.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị đơn ông Hoàng Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Trương Thiên S; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2025/DS-ST ngày 22/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk).

Áp dụng: Các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T.

Buộc ông Hoàng Văn N phải có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị T số tiền là 145.045.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị T về việc yêu cầu bị đơn ông Hoàng Văn N phải trả số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Văn N phải chịu 7.252.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn bà Ngô Thị T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Hoàng Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp (do ông Nguyễn Trương Thiên S nộp thay) theo Biên lai thu số AA/2023/0011108 ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đắk Lắk).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 1 - Đắk Lắk);
- Phòng THADS khu vực 1 - Đắk Lắk);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình